CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng Không

Ngày 31/03/2025	28,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**12.4%**	**0.4%**

DT thuần
Q1/25
50.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼74.5| -59.6%
YoY: ▼45.3| -47.3%

LN thuần
Q1/25
1.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 23.5%
YoY: ▲ 0.08| 5.1%

LN sau thuế
Q1/25
1.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 18.6%
YoY: ▼0.05| -3.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
4.2%
YoY: +/-▲ 2.6%

ROE (TTM)
Q1/25
12.0%
YoY: +/-▼ 0.5%

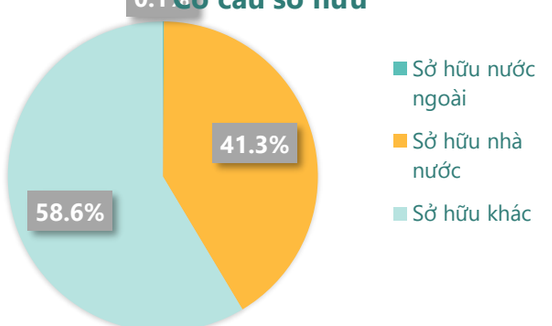
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,600 - 40,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
Số lượng CPLH (CP)	3,111,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	1,516
P/E	18.6

DT thuần
2024
330
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 126| 61.5%

LN thuần
2024
5.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.46| 8.6%

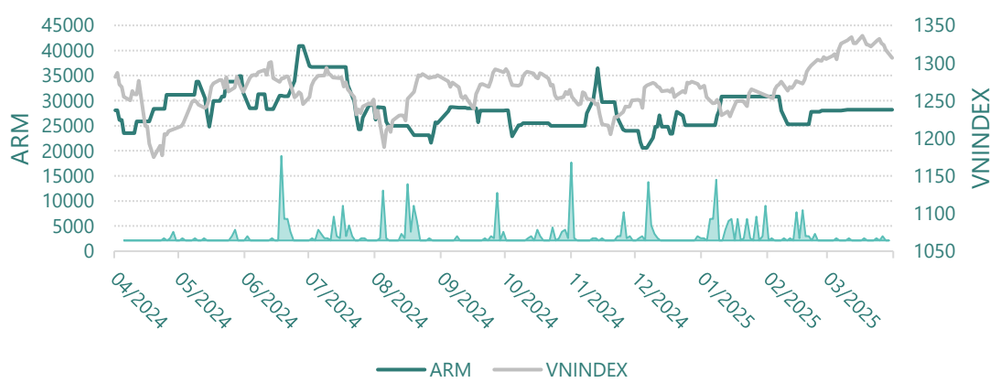
LN sau thuế
2024
4.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.86| 22.1%

Cơ cấu sở hữu

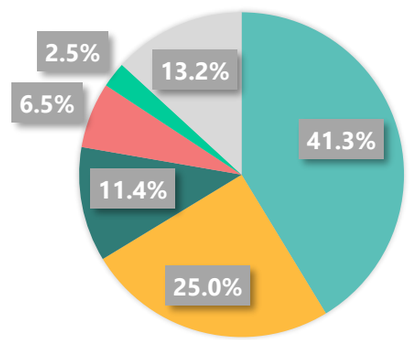


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

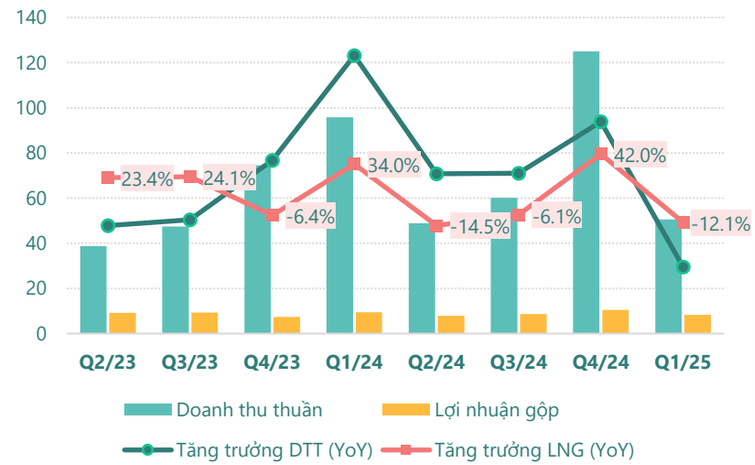


Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Đào Khắc Hậu (Chủ tịch HĐQT)
Đào Anh Hùng
Lê Văn Kim
Hoàng Việt Dũng (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

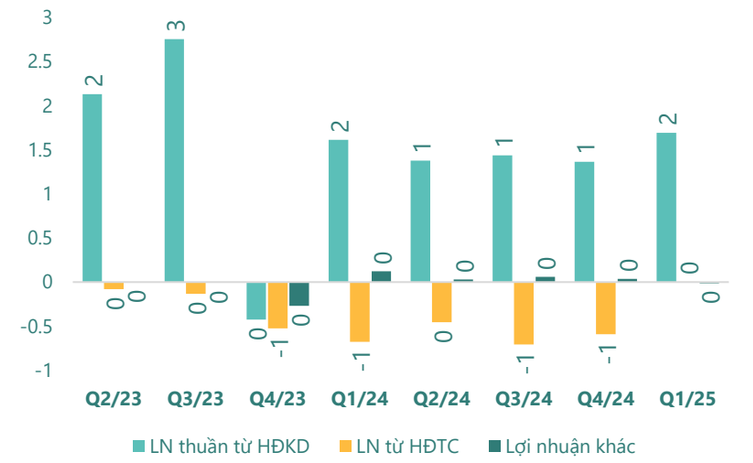
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



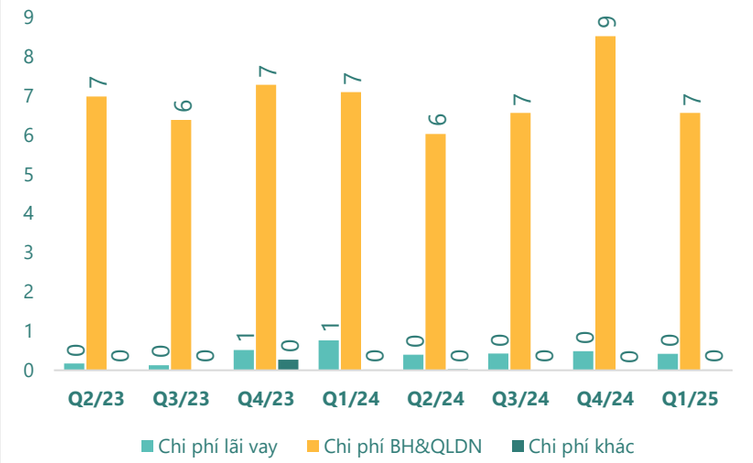
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



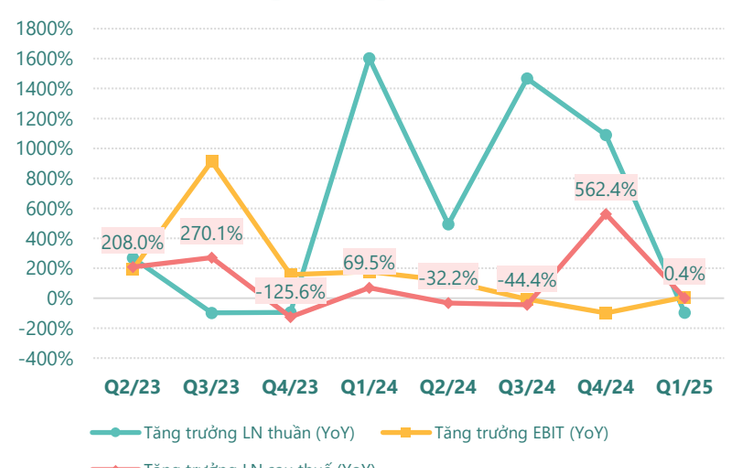
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



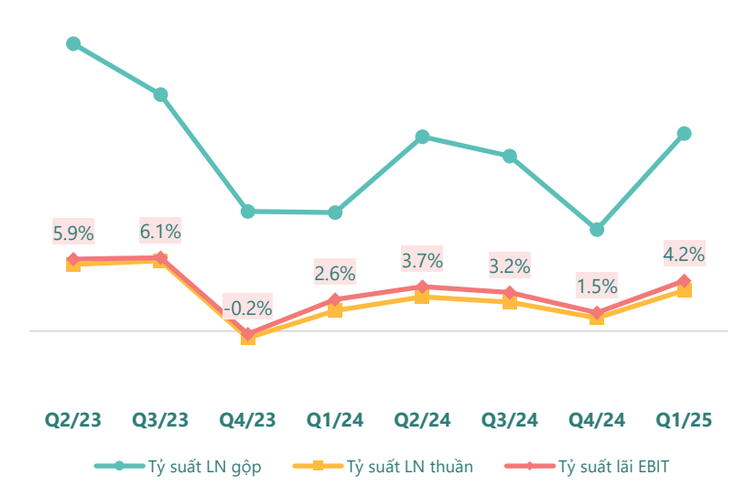
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



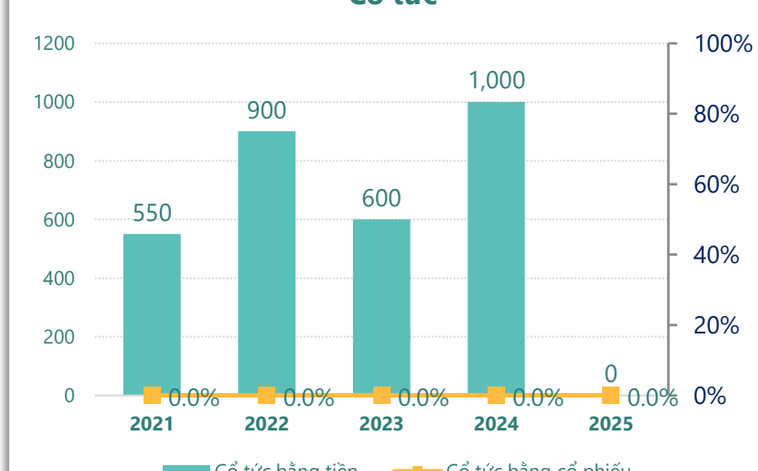
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

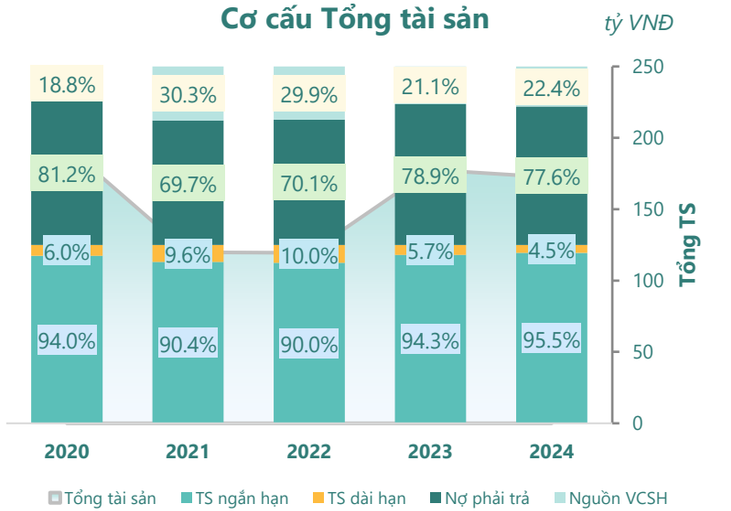
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

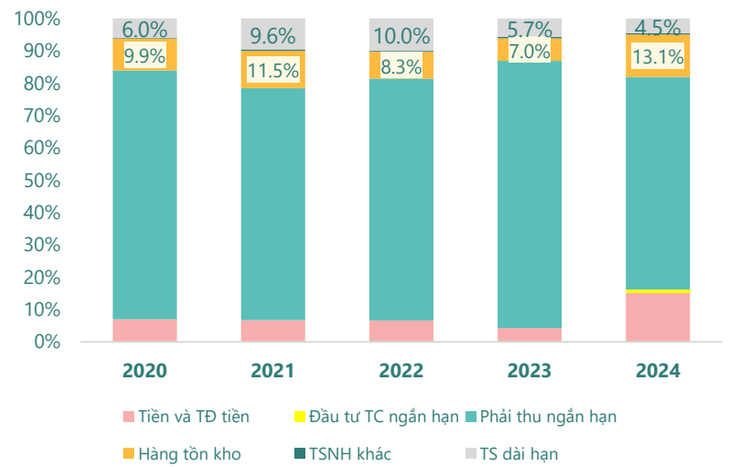
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



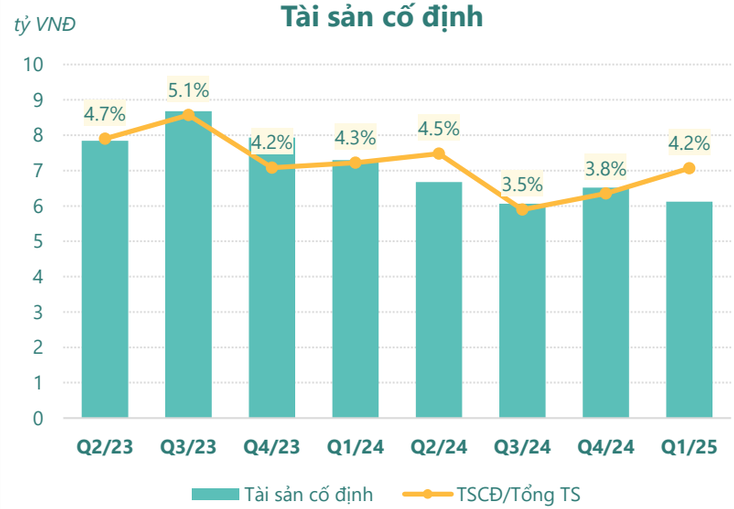
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



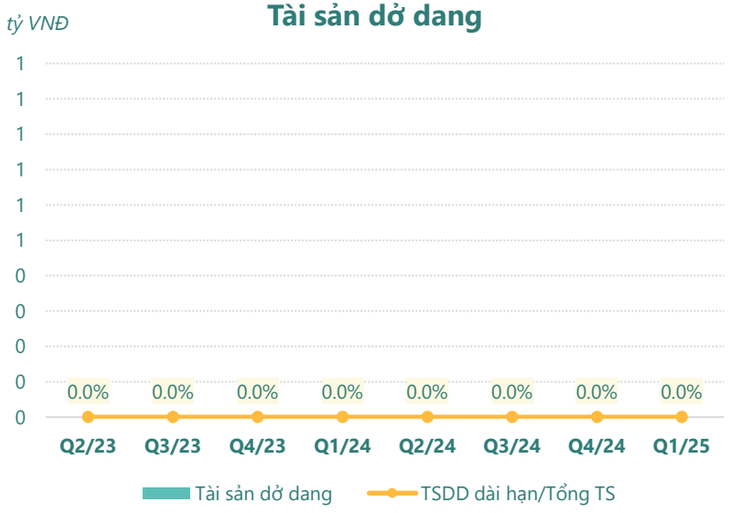
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



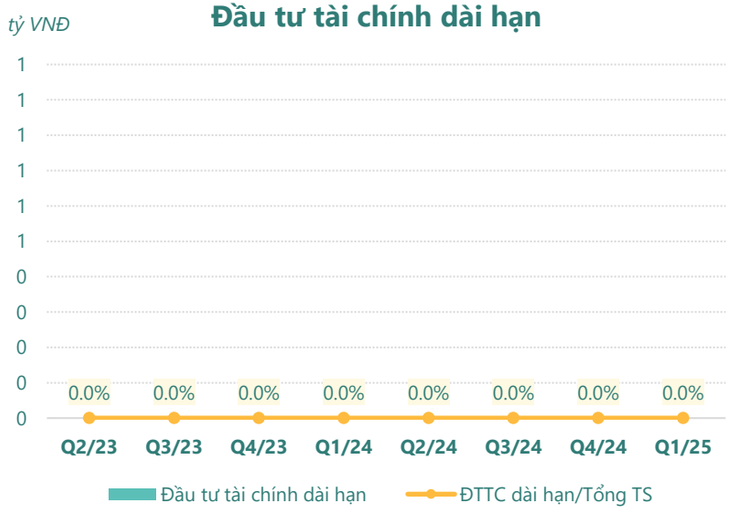
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



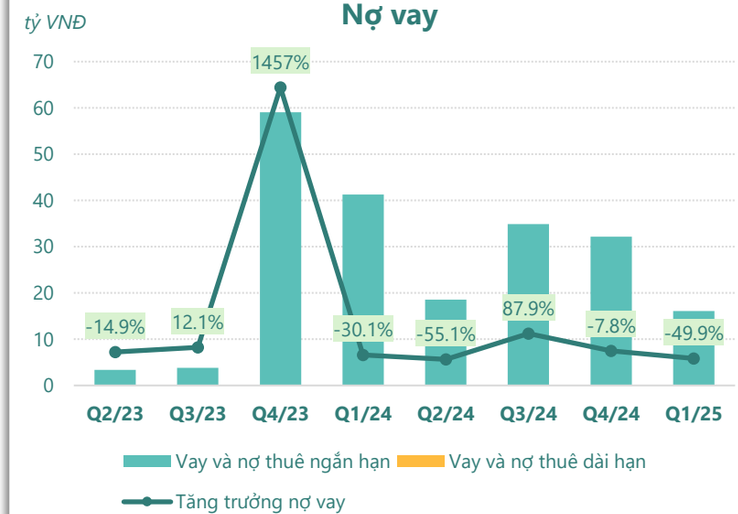
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

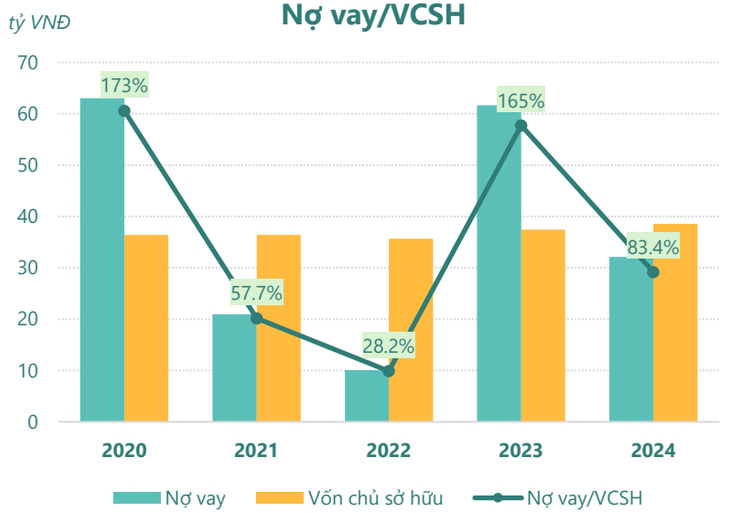
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

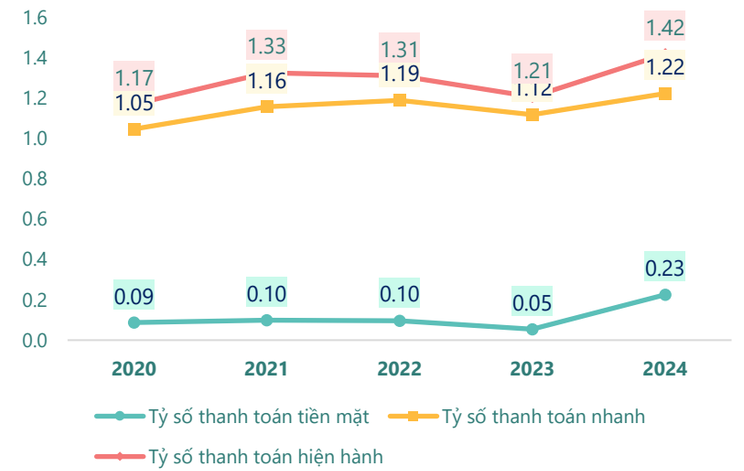
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



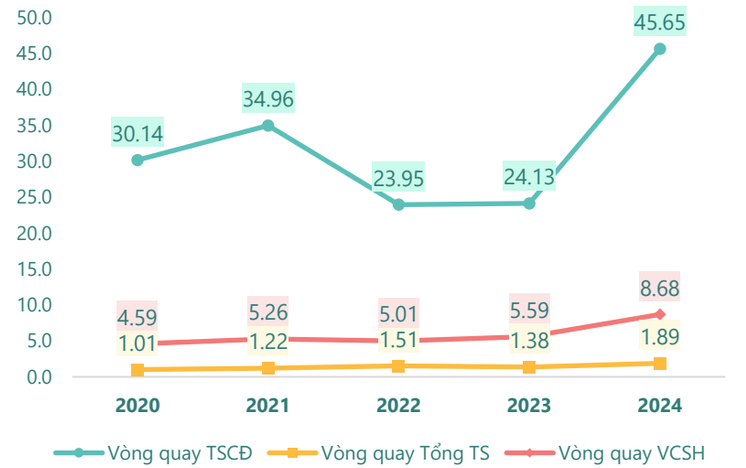
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



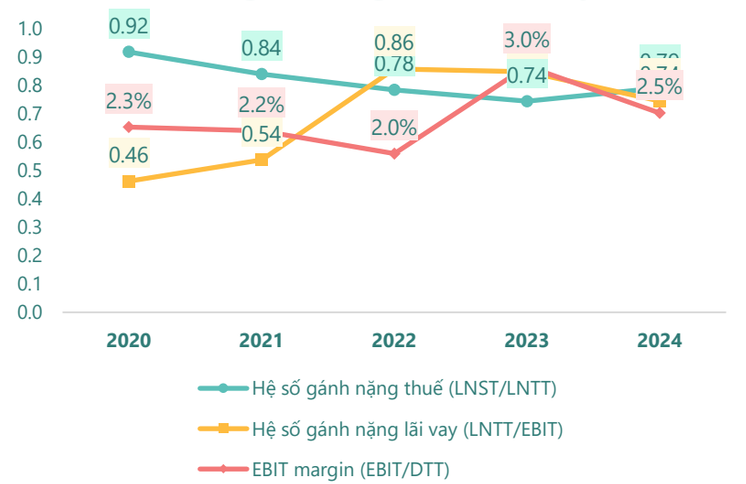
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



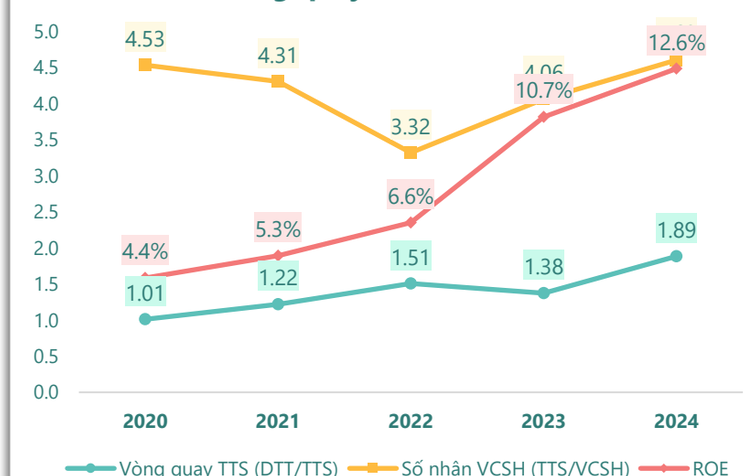
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



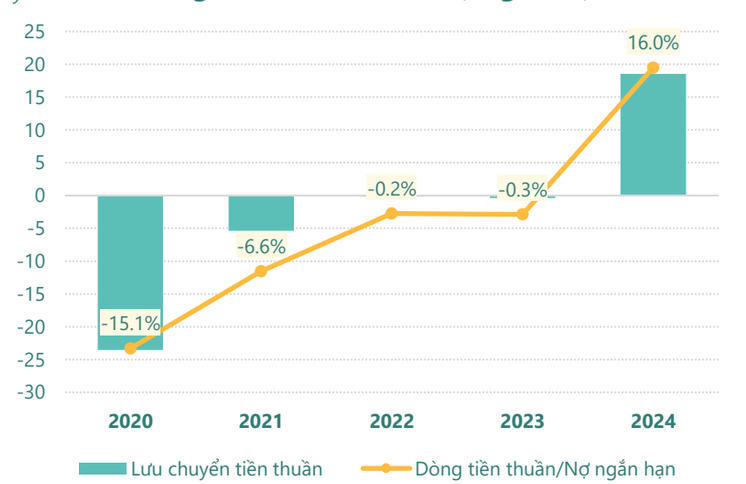
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**50.5**	**95.8**	**-47.3%**	**330**	**204**	**61.5%**
Giá vốn hàng bán	42.3	86.4	-51.1%	293	171	71.2%
Lợi nhuận gộp	8.25	9.39	-12.1%	36.4	32.9	10.9%
Doanh thu HĐTC	0.77	0.11	603%	0.50	0.41	22.3%
Chi phí TC	0.77	0.79	-2.7%	2.94	1.14	157%
Chi phí lãi vay	0.42	0.77	-45.1%	2.08	0.95	119%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.55	1.42	9.2%	6.60	5.73	15.1%
Chi phí QLDN	**5.01**	**5.68**	**-11.8%**	**21.6**	**21.1**	**2.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.69	1.61	5.1%	5.79	5.33	8.6%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.12**	**-110%**	**0.25**	**-0.08**	**406%**
LN trước thuế	1.68	1.73	-2.9%	6.04	5.25	14.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.32**	**1.37**	**-3.9%**	**4.77**	**3.91**	**22.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.32**	**1.37**	**-3.9%**	**4.77**	**3.91**	**22.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-69.1	39.9	10.2	-0.54	2.50	4.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.23	0.01	0.18	0.01	-0.88	-1.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	55.3	-20.4	-25.9	16.5	-2.73	-16.1
Tiền đầu kỳ	21.6	7.56	27.0	11.4	27.2	26.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-14.1**	**19.5**	**-15.6**	**15.9**	**-1.10**	**-13.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.01	-0.05	-0.17	0.01	-0.11
Tiền cuối kỳ	7.56	27.0	11.4	27.2	26.1	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**144**	**172**	**-16.2%**
Tài sản ngắn hạn	137	164	-16.6%
Tiền và tương đương tiền	12.6	26.1	-51.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.75	1.75	0.0%
Phải thu ngắn hạn	100.0	113	-11.7%
Hàng tồn kho	22.1	22.7	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.80	0.71	13.2%
Tài sản dài hạn	**7.27**	**7.83**	**-7.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.12	6.52	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0.82	0.92	-10.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.33**	**0.39**	**-14.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	105	134	-21.8%
Nợ ngắn hạn	**103**	**116**	**-11.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.1	32.2	-49.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.3	15.0	-24.6%
Nợ dài hạn	1.43	17.7	-92.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**39.9**	**38.6**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**39.9**	**38.6**	**3.4%**
Vốn điều lệ	31.1	31.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)